

CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH

Số 25B, Đ. Lê Ninh, P. Quán Bàu, TP. Vinh, Nghệ An

ĐT: 02383 853 157-Fax: 02383 854 806



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2018



Nghệ An, năm 2019

**PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH
Năm 2018**

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 2900383711, đăng ký lần đầu ngày 30/05/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/01/2017.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 13.138.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 13.138.000.000 đồng
- Địa chỉ/ *Address*: Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại/ *Telephone*: 0238 3853 157.
- Số fax/ *Fax*: 0238 3854 806.
- Website: <http://visitec.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: TTV

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process*:

• Giai đoạn trước năm 1998:

Ngày 01/07/1989, Xí nghiệp TTTT ĐS Vinh được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở chia tách Xí nghiệp TTTT Đường sắt II Hà Nội; quản lý toàn bộ thiết bị

TTTH, tuyến đường dây trần trực chính từ Km 136+200 khu gian Đồng Giao - Bím Sơn đến Km 521+600 (Bắc ga Đồng Hới) và tuyến Cầu Giát - Nghĩa Đàn.

Xí nghiệp TTTH ĐS Vinh là tổ chức sản xuất kinh doanh hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế nội bộ theo quy định của Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1.

Ngày 30/05/1996, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1208 - QĐ/TCCB-LĐ chuyển các Xí nghiệp TTTH Đường sắt trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1 - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành đơn vị sự nghiệp kinh tế và hoạt động theo mô hình này đến năm 1998.

- **Giai đoạn từ năm 1998 đến 2003:**

Thực hiện Nghị định 50/CP ngày 28/08/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước, liên hiệp Đường sắt Việt Nam ban hành Quyết định số 885/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 chuyển Xí nghiệp TTTH Đường sắt Vinh thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

- **Giai đoạn từ năm 2003 đến 2010:**

Ngày 20/03/2003, Bộ GTVT ban hành Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT đổi tên thành Xí nghiệp TTTH Đường sắt Vinh thành Công ty TTTH đường sắt Vinh.

- **Giai đoạn từ năm 2010 đến 2015:**

Công ty TTTH Đường sắt Vinh được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 720/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Chủ sở hữu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý và nắm giữ 100% vốn Điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- **Giai đoạn từ tháng 01/2016 đến nay:**

Công ty TNHH MTV thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh chuyển thành Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh căn cứ theo Quyết định số 3903/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học; Công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình điện dân dụng, chiếu sáng; xây dựng lắp đặt thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng và công nghiệp, hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét đường dây và trạm biến áp; chế tạo và sửa chữa thiết bị phụ tùng, sản xuất buôn bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông, tin học, tín hiệu giao thông.	4290
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn khảo sát thiết kế; Thẩm tra thẩm định báo cáo đầu tư, thẩm tra thẩm định khảo sát thiết kế, thẩm tra thẩm định dự toán; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện lắp đặt thiết bị công nghệ công trình chuyên ngành thông tin tín hiệu, điều khiển, điện.	7110
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình giao thông và chuyên ngành viễn thông, tín hiệu, điều khiển và điện.	7120
5	Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7911
6	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: dịch vụ ăn uống.	5610
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe con, xe 15 chỗ.	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thương mại cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tín hiệu và truyền thông; Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, dịch vụ tin học theo quy định của pháp luật.	6209
13	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý mạng điện và phân phối cung cấp điện	3510

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
*Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/*Governance model*. Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 1 chủ tịch và 2 thành viên

Ban Kiểm soát : 03 người

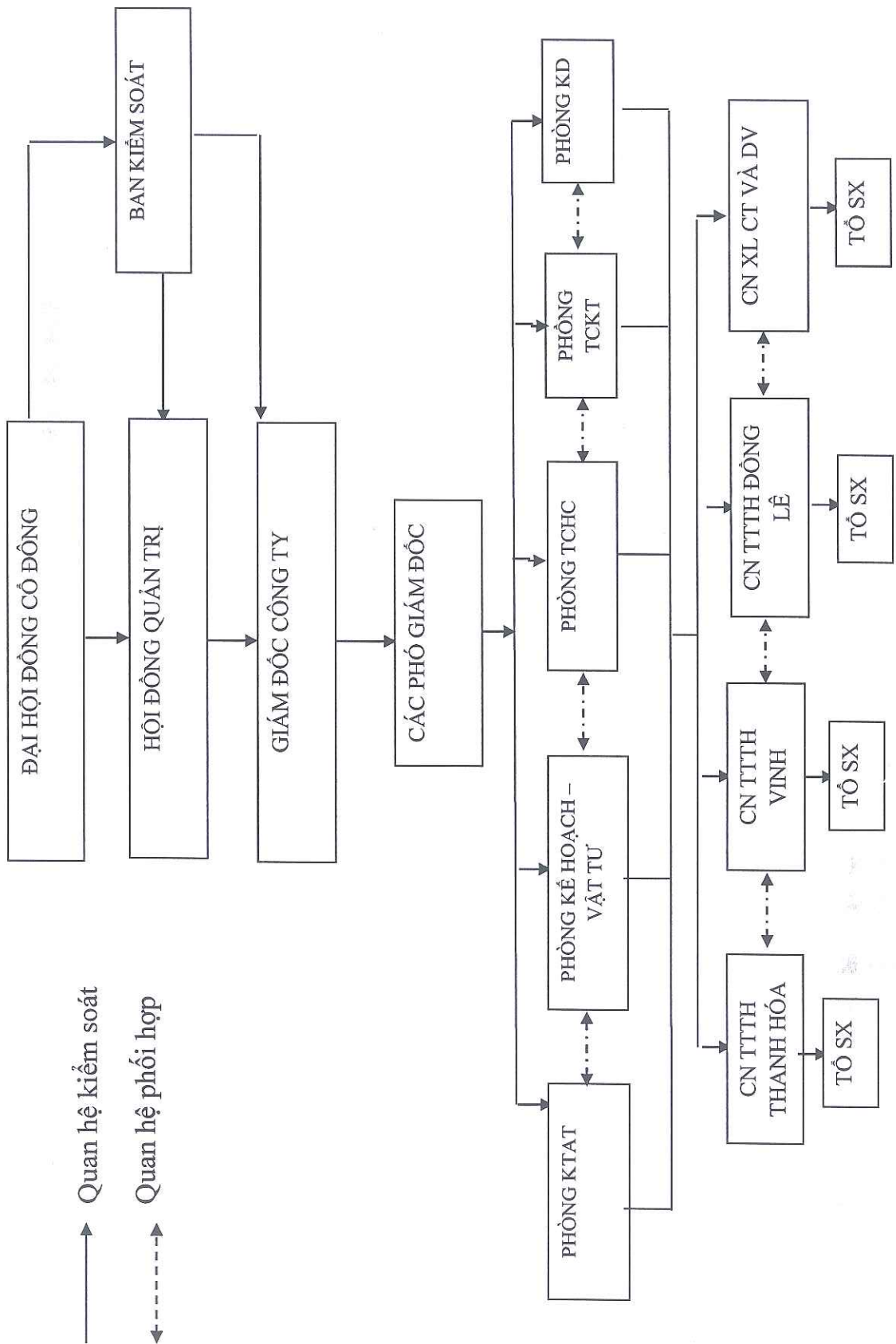
Ban điều hành : 04 người (01 giám đốc và 03 phó giám đốc)

Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

Các Chi nhánh: CN TTTH Thanh Hóa, CN TTTH Vinh, CN TTTH Đồng Lê, CN Xây lắp công trình và Dịch vụ.

Các Tổ Sản xuất.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*:



→ Quan hệ kiểm soát

↔ Quan hệ phối hợp

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Về hoạt động kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu ngoài SCTX đạt từ 45% đến 50% tổng doanh thu,
- Về quản lý doanh nghiệp: có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, áp dụng các công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất lao động và quản trị doanh nghiệp
- Về nguồn nhân lực: xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, nhiệt huyết công việc, đảm bảo thu nhập cho người lao động, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực.
- Về cổ đông: thực hiện minh bạch, hiệu quả trong khâu quản lý, trả cổ tức cho các cổ đông từ 10%-11%/năm trở lên, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Về nghĩa vụ với nhà nước: thực hiện nộp đúng, đầy đủ các khoản thuế, phí, lệ phí với nhà nước theo quy định, thực hiện công bố thông tin nhanh chóng, kịp thời.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;
- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;
- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý.

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các ĐN CBTĐ; Tiếp tục hợp đồng lắp đặt hệ thống giám sát tín hiệu đường ngang CBTĐ cho các công ty trong ngành đường sắt;

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó tận dụng nguồn cho thuê sử dụng KCHT ĐS được Tổng công ty phân bổ hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, dự án đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông, dự án đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên...

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED cho các đơn vị trong hoặc ngoài ngành: Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt thuộc chi nhánh khai thác Hà Thanh và Nghệ Tĩnh; Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống tại khu vực Thanh Hóa, Vinh, Hương Phố, Đồng Lê ...v.v;

- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

- Tận dụng lợi thế về đất đai để đầu tư kinh doanh mở rộng sản xuất.

b. Giải pháp về nguồn vốn

Huy Động Vốn:

- Chỉ thi công các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng có nguồn vốn rõ ràng;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt để nghiệm thu, thanh toán các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng trong và ngoài vốn SNKT;

- Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng.

- Liên doanh liên kết tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay. Ban hành Quy chế Quản lý Tài chính; Quy chế quản lý nợ, thành lập hội đồng xử lý nợ công ty để xử lý các khoản nợ lâu năm, khó đòi.

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế hơn nữa. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá Bảo dưỡng TXĐK, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh;
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.
- Ban hành quy chế phân cấp, quản lý chi phí sản xuất, giao đến từng chi nhánh.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án công trình, sản phẩm dịch vụ trúng thầu hoặc được giao;
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm,

đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh với công nghệ và kỹ thuật xây dựng, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty quản lý.

e. Giải pháp về nhân lực

Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; nhân viên bán hàng giỏi...vv;

- Ban hành Quy chế quản lý tổ chức Cán bộ; Nội qui lao động hàng năm;

- Ban hành quy trình bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ;

- Ban hành qui định xử lý người đứng đầu trong công tác đảm bảo an toàn GTĐS.

Về chính sách tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; lấy đơn giá tiền lương thực tế theo áp dụng khoa học kỹ thuật và dụng cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoản mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các CN theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh bán hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư rõ ràng;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh bán hàng;

- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, nước ngoài;

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình trong và ngoài ngành.

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTHH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED; Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt, sân bay...vv. Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống ; liên doanh, liên kết xây dựng các khu chung cư cao tầng...;

- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro/ Risks:

- **Rủi ro kinh tế:** Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước.
- **Rủi ro pháp lý:** Các cơ sở pháp lý từ năm 2018 có nhiều thay đổi do các chính sách của nhà nước về quản lý thuế, bảo hiểm, ngân hàng có sự thay đổi.
- **Rủi ro cạnh tranh:** Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối danh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần “thay máu” cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018/năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.657.342.578	93.742.518.765	112%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.657.342.578	93.742.518.765	112%
4.	Giá vốn hàng bán	96.473.549.746	86.107.354.666	112%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.183.792.832	7.635.164.099	107%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	389.765.661	480.416.207	81%
7.	Chi phí tài chính	6.572.781	9.925.289	66%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>6.572.781</i>	<i>9.925.289</i>	<i>66%</i>
8.	Chi phí bán hàng	0	0	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.135.738.578	4.955.955.142	104%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.431.247.134	3.149.699.875	109%
11.	Thu nhập khác	121.181.252	114.585.007	106%
12.	Chi phí khác	0	61.614.700	0%
13.	Lợi nhuận khác	121.181.252	52.970.307	229%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.552.428.386	3.202.670.182	111%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	710.485.675	652.856.976	109%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.841.942.711	2.549.813.206	111%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.163	1.941	111%
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.163	1.941	111%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, công ty có mức tăng trưởng ấn tượng: Doanh thu và sản lượng tăng 12%, lợi nhuận tăng 11%, trở thành năm đầu tiên công ty đạt mức doanh thu trên 100 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch do đại hội đồng cổ đông giao.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

2.1. Ban giám đốc

a. Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Cảnh Tùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/01/1969
Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thông tin tin hiệu-Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 02/1993 đến tháng 03/1997: Cán bộ kỹ thuật tại Xí nghiệp TTTH Cầu Giát thuộc công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 4/1997 đến tháng 2/2002: Hạt trưởng Hạt TTTH Đồng Lê thuộc công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 03/2002 đến tháng 06/2008: Hạt trưởng Hạt TTTH Vinh thuộc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 07/2008 đến tháng 07/2014: Trưởng phòng KHKD thuộc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 08/2014 đến tháng 11/2015: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 12/2015 đến nay: Giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 409.482 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 74.463 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 335.019 cổ phần

b. Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hưng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/07/1965
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tự động hóa
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt TTTH Đông Lê - Từ tháng 4/1992 đến tháng 10/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt Nghệ Tĩnh 1. - Từ tháng 11/1992 đến tháng 6/1998: Kỹ thuật viên tín hiệu Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 7/1998 đến tháng 4/2003: Hạt trưởng Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 5/2003 đến tháng 5/2009: Phó phòng kỹ thuật công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 6/2009 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.000 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 6.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

c. Ông Lê Viết Cường – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Lê Viết Cường
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 28/11/1977
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư thông tin tín hiệu
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	- tháng 10/2002 - 09/2009: nhân viên phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh

	-tháng 10/2009 - 06/2015: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - tháng 07/2015 - 04/2018: Trưởng phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - tháng 05/2018 - nay: phó giám đốc công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 2.300 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 2.300 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

d. Ông Trần Hải Anh – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Trần Hải Anh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/11/1986
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện tử viễn thông
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	- Từ 2012 đến tháng 2014: nhân viên phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - từ tháng 12/2014-06/2016: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - từ tháng 07/2016-03/2018: Phó giám đốc CN TTTH Thanh Hóa- công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - từ tháng 04/2018-05/2018: Phó phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - từ tháng 06/2019-09/2018: Trưởng phòng kỹ thuật an toàn công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh - từ tháng 10/2018-2018: phó giám đốc công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 1.400 cổ phần
Trong đó	

- Sở hữu cá nhân	: 1.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Lê Thị Tú Anh
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 15/07/1966
Nơi sinh	: Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/1990 đến tháng 9/2002: Nhân viên kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Vinh - Từ tháng 10/2002 đến tháng 11/2003: Phó phòng tài chính Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh - Từ tháng 8/2007 - Nay: Kế toán trưởng UV BCH Đảng ủy, UVBCH công đoàn công ty thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 72.151 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 72.151 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân: 361 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận.
- Áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2018 là 3,090 triệu/tháng

3. Tình hình tài chính/ Financial situation

a. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chi tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018 (VNĐ)	Năm/Year 2017 (VNĐ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	56.685.606.902	63.706.837.866	88,98
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	104.657.342.578	93.742.518.765	111,64
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	3.431.247.134	3.149.699.875	108,94
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	121.181.252	52.970.307	228,77
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	3.552.428.386	3.202.670.182	110,92
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	2.841.942.711	2.549.813.206	111,46
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio (Dự kiến)</i>	54,55%	51,99%	104,93

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

Chi tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2017	Ghi chú/ <i>Note</i>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/ <i>Nợ ngắn hạn</i> (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,218	1,173	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,108	1,077608	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,709	0,750118	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	2,431	3,001886	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/ <i>Hàng tồn kho bình quân</i> (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	21,547	20,453	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,027	0,027	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,216	0,194	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,050	0,040	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,033	0,034	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a. Cổ phần/Shares: .

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần :	1.313.800
Loại cổ phần :	phổ thông
Trong đó :	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do :	1.234.972
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng :	78.828

Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Phân theo tỷ lệ sở hữu :	1.313.800	100,00%
Cổ đông lớn :	922.046	70,18%
Cổ đông nhỏ :	391.754	29,82%
Phân theo tổ chức/cá nhân :	1.313.800	100,00%
Cổ đông tổ chức :	670.038	51,00%
Cổ đông cá nhân :	643.762	49,00%
Phân theo yếu tố nước ngoài :	1.313.800	100,00%
Cổ đông trong nước :	1.313.800	100,00%
Cổ đông nước ngoài :	-	0,00%
Phân theo yếu tố nhà nước :	1.313.800	100,00%
Cổ đông nhà nước :	670.038	51,00%
Cổ đông khác :	643.762	49,00%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện		So cùng kỳ
			2018	2017	
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	115.685	103.771	111%
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	105.168	94.338	111%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	104.657	93.743	112%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	390	480	81%
3	Thu nhập khác	Tr.đ	121	115	106%
III	Tổng chi phí	Tr.đ	101.616	91.135	112%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.552	3.203	111%
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.842	2.550	111%

Về doanh thu:

Năm 2018 đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty TTTT ĐS Vinh khi đạt mốc doanh thu trên 100 tỷ đồng, vượt mức 12% so với cùng kỳ.

Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều hoàn thành kế hoạch và vượt xa so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Cuối kỳ so với đầu kỳ	Tỷ trọng		
	Số cuối năm	Số đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	48.936.958.332	56.033.255.791	87%	86%	88%	-2%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.672.594.597	7.345.425.210	23%	3%	13%	-10%
Các khoản phải thu ngắn hạn	42.846.715.400	44.150.893.407	97%	88%	79%	9%
Hàng tồn kho	4.417.648.335	4.536.937.174	97%	9%	8%	1%
TSNH khác	0	0		0%	0%	0%
Tài sản dài hạn	7.748.648.570	7.673.582.075	101%	14%	12%	2%
Tài sản cố định hữu hình	7.748.648.570	7.022.431.514	110%	100%	92%	8%
Tài sản dài hạn khác	0	651.150.561	0%	0%	8%	-8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	56.685.606.902	63.706.837.866	89%	100%	100%	0%

Tổng tài sản của công ty trong năm vừa qua giảm, trong đó chủ yếu là giảm tài sản ngắn hạn. Cơ cấu tài sản của công ty biến động theo hướng giảm nhẹ ngắn hạn, tăng dài hạn.

b. Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

Nợ phải trả hiện tại của công ty là hơn 40 tỷ đồng, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn, trong đó chủ yếu là phải trả người lao động.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management:*

Trong năm 2018, công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, hiện đại hóa công tác quản lý bằng những biện pháp hợp lý:

- Xây dựng phần mềm quản lý tiền lương mới, cập nhật và đưa vào sử dụng hệ thống giám sát đường ngang mới, xây dựng định mức tiền điện, tiền nhiên liệu chạy máy nổ... để tiến tới giao khoán cho các đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thông tin tin hiệu do các kỹ sư giàu kinh nghiệm trong công ty trực tiếp truyền đạt cho các công nhân mới vào, tay nghề còn thấp.
- Tiếp cận với các nguồn nhân công thời vụ giá rẻ để vừa tăng tính cơ động cho công việc, vừa hoàn thành khối lượng công việc được giao, đặc biệt trong các thời điểm gấp rút như khi xảy ra thiên tai bão lũ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Năm 2018 đánh dấu doanh thu của công ty đạt mốc 100 tỷ đồng, là một mốc son trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty. Tuy nhiên, tính hình thực tế đặt ra nhiều lợi thế và cũng nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Lợi thế: từ năm 2018 ngành đường sắt có dấu hiệu tăng trưởng và đạt được nhiều sự quan tâm hơn từ các cơ quan nhà nước. Nhiều dự án đầu tư cho ngành đường sắt được hoạch định và thực hiện như dự án đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông, dự án đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên,...
- Thách thức: Doanh thu năm 2018 của công ty đạt trên 100 tỷ cũng đặt công ty trước một thách thức không nhỏ cho năm 2019. Trong năm 2019 công ty phải có những chiến lược đúng đắn mới có thể đảm bảo được tăng trưởng bền vững.

Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới và tình hình kinh doanh của năm 2018 đã qua, các công việc trọng tâm trong năm 2019 như sau:

- Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình tập trung, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đạt hiệu quả công việc lên hàng đầu.
- Về chi phí: Cơ cấu lại hệ thống chi phí, kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận, tăng giá trị doanh nghiệp. Tiến tới giao khoán cho các chi nhánh trực thuộc tự chủ một phần về chi phí.

- Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề mũi nhọn vẫn là công tác duy tu sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia, tuy nhiên tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phần đầu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 50% doanh thu. Tích cực quảng cáo, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.
- Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.
- Về công nghệ: áp dụng công nghệ như phần mềm chấm công và tính lương, phần mềm quản lý công trình, quản lý kế hoạch, phần mềm quản lý phòng máy từ xa,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Trong năm 2018, sản lượng và doanh thu đều rất khả quan và có sự tăng trưởng vượt trội so với kế hoạch giao và so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế cũng hoàn thành vượt 3% so với kế hoạch, cho thấy sự cố gắng của Ban giám đốc trong hoạt động kinh doanh và mở rộng thị trường.

Tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2017	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,218	1,173	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,108	1,078	

Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,709	0,750	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	2,431	3,002	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	21,547	20,453	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,027	0,027	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,216	0,194	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,050	0,040	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,033	0,034	

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 và có xu hướng tăng, cho thấy khả năng thanh toán của công ty đang phát triển theo chiều hướng tích cực.
- Cơ cấu vốn: qua một năm cơ cấu nợ của công ty biến động theo xu hướng tăng tỷ trọng nợ phải trả, cho thấy công ty đang chiếm dụng vốn để tài trợ cho tài sản của mình
- Năng lực hoạt động thể hiện ở vòng quay hàng tồn kho: Với đặc điểm là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hàng tồn kho (bao gồm các chi phí của các công trình dở dang chưa hoàn thành) thường chiếm tỷ trọng lớn, và tính thanh khoản của khoản mục này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho cuối năm so với đầu năm có xu hướng tăng, cho thấy việc quản lý tính thanh khoản của các công trình dở dang, công ty đang thực hiện rất tốt.

- Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời rất khả quan khi hầu như các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận đều bằng hoặc cao hơn năm trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:

Trong năm 2018, ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong việc ổn định hoạt động của công ty trong bối cảnh hoạt động của công ty gặp nhiều vướng mắc và khó khăn trong mô hình mới.

Ban giám đốc đã có những công tác cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả những phương hướng, nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Về vận hành, tác nghiệp, nhìn chung được thực hiện quy chuẩn, phân chia trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, tuân thủ quy trình vận hành và đảm bảo phục vụ các đối tác với chất lượng tốt nhất.

Về hoạt động kinh doanh, HĐQT ghi nhận những cố gắng của ban giám đốc trong việc triển khai các biện pháp tăng trưởng doanh thu và mở rộng thị trường như: tích cực tham gia đấu thầu, tìm kiếm đối tác hợp tác, liên danh với các công ty trong ngành,...

Tóm lại, trong năm 2018, ban giám đốc đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Trên cơ sở những thành quả đạt được cũng như các vấn đề còn tồn tại trong năm 2018, với nhận định nền kinh tế còn nhiều biến động và khó khăn, mặc dù công ty đã vượt qua được những khó khăn trước mắt nhưng để tồn tại và phát triển ổn định, HĐQT xác định phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

- Tích cực tiết kiệm chi phí, đặc biệt là các khoản chi phí nằm trong chi phí chung; Tiến tới thực hiện khoán chi phí sản xuất cho các chi nhánh trực thuộc.

- Mở rộng sản xuất đa dạng hóa ngành nghề sang các lĩnh vực công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, đặc biệt thúc đẩy kinh doanh dịch vụ do đây là ngành có tỷ suất sinh lợi cao;
- Mở rộng đầu tư từ nguồn khấu hao do xác định lại giá trị doanh nghiệp; đầu tư tài sản cố định, máy móc thiết bị góp phần tăng khả năng cạnh tranh trong đấu thầu công trình dự án.
- Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp: bắt đầu từ nâng cao chất lượng lao động, đào tạo lao động chuyên nghiệp, năng động, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc cởi mở, thân thiện;
- Sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào thực tế sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm thiểu sai sót chủ quan ảnh hưởng tới an toàn chạy tàu;
- Tích cực tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTHH đường sắt, các gói thầu đường sắt nội đô TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn 2018-2020, gói thầu đường sắt Sài Gòn-Suối Tiên, gói thầu 40 đường ngang năm 2019...

V. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions:*

Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán.

Trích ý kiến kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán độc lập số 075/2019/BCKT-PB.00091 phát hành bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 28/02/2019: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018/Audited financial statements: chi tiết vui lòng xem trong bản đính kèm báo cáo này.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Nguyễn Cảnh Tùng

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc;
- Ủy ban CKNN, Sở GDCKHN;
- Website công ty;
- Lưu: P. TCKT.

